

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 26-5-2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**  
**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Kim Đó.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Cao Thị Kim Phương.  
Bà Nguyễn Thị Thắm.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
T ghi biên bản phiên tòa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Đinh  
Ngọc Mạnh, kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm  
công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm  
2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ  
án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết  
định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022 giữa các đương  
sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị A**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: D1/006, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: số 119/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: D1/006, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(chị T có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2021, bản tự khai ngày  
04/5/2021, biên bản ghi lời khai ngày 19/10/2021 và các bản khai tiếp theo  
trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị A trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** chị T và anh L quen biết, tìm hiểu yêu thương  
khoảng 06 tháng thì tự nguyện đi đến đăng ký hôn và được UBND xã Q, huyện  
T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2011. Đây là hôn nhân lần đầu  
của chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung gia đình chồng, hôn nhân hạnh  
phúc, đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do anh L ham

chơi cờ bạc gây nợ nần nhiều người, chị T phải đi vay tiền để trả nợ thay cho anh L. Năm 2015 anh L tiếp tục vay nợ chủ nợ thường đến nhà đòi nợ nên anh L đã bỏ nhà đi, chị T phải ở nhà xoay tiền tiếp tục trả nợ thay cho anh, đến khoảng tháng 6 năm 2015 anh L quay về nhưng không sửa đổi tính xấu vẫn ham chơi cờ bạc. Mặt khác anh L còn nghi ngờ, ghen tuông cho rằng chị T không chung thủy, nhiều lần chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị T dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đều biết và có khuyên can nhiều lần nhưng anh L vẫn không sửa đổi tính xấu. Tháng 4 năm 2021 chị T và các con đã về nhà mẹ ruột chị sinh sống, đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm lo lắng cho nhau, việc ai nấy làm.

Trước Tòa án chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Kiều Đ, sinh ngày: 17/8/2012 và cháu Phạm Hoàng G, sinh ngày: 03/7/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Tạm thời chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp chị T làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) đủ khả năng nuôi dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

*\* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021 bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và hoàn cảnh kết hôn theo như chị T khai là đúng. Anh L và chị T được tìm hiểu yêu thương khoảng 06 tháng thì tự nguyện đăng ký kết hôn được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2011. Đây là hôn nhân lần đầu của anh L.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh L tại xã Q, huyện T. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc. Năm 2015 do anh L có chơi cá độ đá banh thua, nợ tiền nhiều người dẫn đến vợ chồng gây gỗ. Mặt khác chị T sống không chung thủy có quen biết với người đàn ông khác, sự việc anh biết được do anh L có kiểm tra tin nhắn trong điện thoại của chị T nên vợ chồng cãi vã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Khoảng 05 tháng nay vợ chồng sống ly thân, chị T và hai con đã về sống cùng với ba mẹ chị T, anh L đã nhiều lần gặp chị T bàn bạc và mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm quay về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý.

Trước Tòa án anh L xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống 02 con chung cháu Phạm Kiều Đ, sinh ngày: 17/8/2012 và cháu Phạm Hoàng G, sinh ngày: 03/7/2015. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, anh L đồng ý giao hai con

chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Theo biên bản xác minh tại ban ấp N, xã Q, huyện T và tại UBND xã Q về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ Thị A và anh Phạm Văn L, kết quả xác minh như sau:

Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Văn L kết hôn năm 2011. Trong quá trình chung sống tại địa phương thì ban ấp và UBND xã Q không nhận được đơn yêu cầu hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L. Ban ấp N, xã Q chỉ nắm được thông tin là hiện nay chị T và anh L không còn chung sống với nhau. Ngoài ra ban ấp và UBND xã không cung cấp thêm thông tin gì khác.

***\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

**Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Kiều Đ, sinh ngày: 17/8/2012 và Phạm Hoàng G, sinh ngày: 03/7/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

**[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn chị Đỗ Thị A khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con, bị đơn anh Phạm Văn L có nơi cư trú tại: số nhà D1/006, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

**[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con trong vụ án:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị A và anh Phạm Văn L tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2011. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn chị T khởi kiện xin ly hôn với anh L. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn giữa chị T và anh L cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, về con chung, tài sản chung không tranh chấp nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị A, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình chung sống, chị T và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Chị T khai trong đời sống chung anh L không quan tâm chăm lo cho gia đình, ham chơi bài bạc nhiều lần gây nợ, anh L thừa nhận anh có chơi cá độ nợ tiền người khác, lời khai của anh L phù hợp với lời khai của chị T, việc anh nghi ngờ chị T sống không chung thủy anh không có chứng cứ chứng minh. Anh L xác định còn tình cảm với chị T không đồng ý ly hôn. Tòa án triệu tập anh đến hòa giải cùng với chị T nhưng anh không hợp tác, điều đó cho thấy anh L không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ cùng với chị T xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung sống phải tôn trọng, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, nhưng hôn nhân giữa chị T và anh L không đáp ứng được tiêu chí trên, vợ chồng thường xuyên gây gổ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**[2.2].** Xét về con chung: Chị T và anh L chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Kiều Đ, sinh ngày: 17/8/2012 và Phạm Hoàng G, sinh ngày: 03/7/2015.

Chị T và anh L có ý kiến thống nhất, anh L đồng ý giao cháu Q, cháu H cho chị T nuôi dưỡng, thỏa thuận của anh, chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Kiều Đ tại bản ý kiến đề ngày 15/12/2021 muốn được sống chung với mẹ, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo luật định

**[2.3].** Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[2.4].** Về nợ chung: Chị T và anh L trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa về việc đánh giá tài liệu, chứng cứ trong vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9; Điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Đỗ Thị A.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị A và anh Phạm Văn L.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho chị Đỗ Thị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là cháu Phạm Kiều Đ, sinh ngày: 17/8/2012 và Phạm Hoàng G, sinh ngày: 03/7/2015. Tạm thời anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003262 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai; chị T đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng năm 2015.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. T;
- CC.THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Q, H. Thống Nhất  
(số 126, ngày 27/7/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Kim Đó**